

KẾ HOẠCH

hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Thực hiện Kế hoạch số 15-KH/TU, ngày 12/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Ban Thường vụ Đảng ủy ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW như sau:

I. MỤC ĐÍCH

1. Quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch số 15-KH/TU, ngày 12/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Bảo đảm toàn đảng bộ, chính quyền, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; cập nhật, bổ sung đầy đủ, kịp thời các quan điểm, chủ trương, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của Tỉnh vào chương trình, kế hoạch phát triển của xã. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền phải trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện; cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, gương mẫu đi đầu trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao, tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao trong thực hiện.

2. Thống nhất nhận thức, nâng cao quyết tâm chính trị; tạo sự đồng thuận trong toàn hệ thống chính trị và Nhân dân về vai trò, ý nghĩa của chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo; khơi dậy tinh thần chủ động, sáng tạo, khát vọng phát triển trong mỗi cán bộ, đảng viên và người dân; phát huy vai trò nêu gương, tiên phong trong thực hiện nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

3. Tạo bước chuyển mạnh mẽ về hạ tầng số, nhân lực số và hệ sinh thái khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; từng bước xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn xã. Khuyến khích khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ trong quản lý, sản xuất và đời sống. Tăng cường kết nối với các cơ sở đào tạo, chuyển giao công nghệ phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

4. Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ theo Chương trình hành động, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; bảo đảm phát triển bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống Nhân dân, giữ vững an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và tăng cường quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

II. YÊU CẦU

1. Bám sát các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW: Kế hoạch phải thống nhất với tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW và các quy định, hướng dẫn của Trung ương, của Tỉnh. Quán triệt sâu sắc vai trò đột phá của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

2. Đề ra các nhiệm vụ cụ thể, sát với điều kiện thực tế của xã, tránh hình thức, dàn trải. Các chỉ tiêu, nhiệm vụ phải gắn với thời hạn cụ thể, xác định rõ đơn vị chủ trì, phối hợp và phân bổ nguồn lực phù hợp, lấy chuyển đổi số làm động lực thúc đẩy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Xác định chuyển đổi số là động lực quan trọng, gắn kết chặt chẽ và thúc đẩy sự phát triển của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số có thể tạo ra kết quả mang tính đột phá, mang lại hiệu ứng lan tỏa lớn.

4. Xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân. Ưu tiên bố trí nguồn lực từ ngân sách nhà nước kết hợp việc huy động xã hội hóa trong đầu tư khoa học - công nghệ, chuyển đổi số; sử dụng hiệu quả, tiết kiệm các nguồn lực xã hội nói chung, đặc biệt là nguồn ngân sách Nhà nước; ưu tiên các nhiệm vụ cấp thiết, dự án có tính lan tỏa và hiệu quả cao.

5. Kết hợp chặt chẽ giữa mục tiêu trước mắt và lâu dài; vừa giải quyết những yêu cầu cấp bách như: cải cách hành chính, xây dựng hạ tầng số, nâng cao chất lượng dịch vụ công, ... vừa có tầm nhìn dài hạn đến năm 2030, 2035, 2040, 2045. Thường xuyên kiểm tra, giám sát; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả triển khai thực hiện theo quy định.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt 85%. Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 45% trong tổng số doanh nghiệp. Đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hoá, xã hội, con người Việt Nam.

- Chi ngân sách hàng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số không thấp hơn mức dự toán tình giao.
- Hướng dẫn, hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ; hỗ trợ khai thác thương mại hoá và phát triển nhãn hiệu được bảo hộ.
- Hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại; phủ sóng 5G toàn xã. Thu hút các doanh nghiệp công nghệ đầu tư nghiên cứu, sản xuất trên địa bàn xã.
- Quản lý nhà nước trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị. Khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số. Phát triển Chính quyền số kinh tế số, xã hội số, công dân số. Đảm bảo an toàn, an ninh không gian mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu.

2. Tầm nhìn đến năm 2045

(Có phụ lục các mục tiêu kèm theo).

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

1.1. Lãnh đạo, chỉ đạo việc thành lập hoặc kiện toàn Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thành lập Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo bảo đảm hiệu quả, thiết thực. Xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ phù hợp đối với cán bộ chuyên trách tham mưu triển khai thực hiện Nghị quyết. Quan tâm bố trí, cơ cấu cán bộ có trình độ, năng lực về khoa học, công nghệ, kỹ thuật tham gia cấp ủy, theo đúng tinh thần chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

1.2. Ban hành kế hoạch, các văn bản chỉ đạo thực hiện; phân công rõ trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị liên quan để tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả các nội dung của Nghị quyết.

1.3. Lồng ghép đầy đủ, hiệu quả các nội dung của Nghị quyết số 57-NQ/TW, Quyết định số 204-QĐ/TW, Nghị quyết số 193/2025/QH15 và Nghị quyết số 71/NQ-CP vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công, chương trình mục tiêu và các đề án trọng điểm, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ trong quá trình triển khai thực hiện.

1.4. Thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ liên ngành; tăng cường sự vào cuộc đồng bộ, hiệu quả của các cơ quan, đơn vị; giao nhiệm vụ, trách nhiệm

cụ thể gắn với lộ trình triển khai rõ ràng, bảo đảm thống nhất trong tổ chức thực hiện.

2. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

2.1. Tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản liên quan sâu rộng trong toàn hệ thống chính trị, đến từng cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân gắn với đẩy mạnh truyền thông về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng

- Nội dung quán triệt cần tập trung vào các vấn đề cốt lõi của Nghị quyết số 57-NQ/TW, bảo đảm ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện; gắn kết chặt chẽ với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, tạo niềm tin, khí thế mới trong xã hội.

- Hình thức quán triệt cần đa dạng, linh hoạt, phù hợp với từng đối tượng; kết hợp giữa hội nghị, tọa đàm, lớp tập huấn chuyên đề, tài liệu in ấn, tài liệu hỏi - đáp, infographic, video clip... Bảo đảm cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức được quán triệt sâu sắc; đồng thời tuyên truyền, phổ biến rộng rãi đến cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân trên địa bàn xã.

- Triển khai sâu rộng phong trào “học tập số”, đẩy mạnh phổ cập và nâng cao tri thức số, tri thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn xã; góp phần xây dựng xã hội học tập, thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, khơi dậy tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, phát huy trí tuệ Việt Nam, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tích cực tham gia tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết; lồng ghép với các phong trào thi đua yêu nước, khởi nghiệp sáng tạo, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh... nhằm lan tỏa tinh thần đổi mới, sáng tạo trong toàn xã hội.

- Đẩy mạnh các phong trào thi đua gắn với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Kịp thời biểu dương, khen thưởng khích lệ, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức phù hợp cho các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong chuyển đổi số trên địa bàn xã (nếu có).

2.2. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai, đưa nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm và chịu trách nhiệm về kết quả triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại cơ quan mình; chủ động định hướng các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và giải quyết các vấn đề về chuyển đổi số để cải cách hành chính, giải quyết các vấn đề thực tiễn tại cơ quan, tổ chức, đơn vị. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW là tiêu chí cơ bản đánh giá hiệu quả nhiệm vụ, thi đua, khen thưởng hằng năm.

2.3. Xây dựng văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp trong môi trường số

Triển khai đồng bộ, hiệu quả Bộ công cụ đánh giá thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Bộ tiêu chí đánh giá chuyển đổi số đối với các cơ quan, đơn vị. Đẩy mạnh công tác tập huấn, tuyên truyền về văn hóa số, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức.

3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo đột phá, đảm bảo nguồn lực

3.1. Chủ động rà soát các quy định, thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các chính sách ưu đãi, khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư, ứng dụng công nghệ số, khởi nghiệp sáng tạo, sử dụng dịch vụ số. Tập trung tháo gỡ và đề xuất tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế, cơ chế chính sách và nguồn nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển đột phá.

3.2. Bám sát vào các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của Tỉnh xây dựng kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo bảo đảm đồng bộ, nhất quán với quy hoạch xã thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị trong tổ chức thực hiện; phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, quyết liệt hành động, góp phần phát triển nhanh và bền vững.

3.3. Rà soát, đề xuất đơn giản hóa thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình, giảm thời gian xử lý hồ sơ, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến chất lượng cao, phi địa giới hành chính. Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp tiếp cận đất đai, vốn, nhân lực phục vụ hoạt động đổi mới sáng tạo.

3.4. Tăng cường thúc đẩy hoạt động kết nối, hợp tác và chủ động thu hút các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đến đầu tư, triển khai dự án và đặt trụ sở làm việc tại địa bàn xã.

3.5. Lồng ghép các nội dung khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của xã. Ưu tiên bố trí ngân sách, nhân lực, vật lực để triển khai hiệu quả các nhiệm vụ Kế hoạch hành động đã đề ra.

4. Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số, ứng dụng, dịch vụ số

4.1. Xây dựng kế hoạch phát triển hạ tầng số của xã giai đoạn 2025 - 2035, bảo đảm đồng bộ, hiện đại, an toàn; làm nền tảng thúc đẩy chính quyền số, kinh tế số và xã hội số tại địa phương.

4.2. Tập trung phát triển hạ tầng số tại các khu vực như trung tâm hành chính xã, trường học, trạm y tế, khu dân cư tập trung. Bảo đảm kết nối đồng bộ giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã. Khuyến khích chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng số để tiết kiệm nguồn lực và nâng cao hiệu quả vận hành.

4.3. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp viễn thông mở rộng vùng phủ sóng băng thông rộng (4G, 5G, cáp quang) đến các xóm, các khu dân cư bảo đảm người dân được tiếp cận hạ tầng số cơ bản. Nâng cấp đường truyền tốc độ cao cho cơ quan Đảng, chính quyền, trường học, cơ sở y tế nhằm phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ số thiết yếu cho người dân.

4.4. Triển khai dùng chung các nền tảng số, bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông giữa các ngành, lĩnh vực trên môi trường số. Thúc đẩy hệ sinh thái kinh tế số trên các lĩnh vực.

4.5. Triển khai đưa các hoạt động của cơ quan đảng, nhà nước lên môi trường mạng, hướng tới hiệu lực, hiệu quả, công khai, minh bạch; công tác chỉ đạo, điều hành trực tuyến, dựa trên cơ sở dữ liệu.

4.6. Khuyến khích ứng dụng các giải pháp công nghệ như IoT, AI, GIS... trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, cảnh báo thiên tai. Thúc đẩy phát triển nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững tại địa phương.

5. Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển

5.1. Triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số trong sản xuất -

kinh doanh; đặc biệt chú trọng lĩnh vực nông nghiệp, thương mại điện tử và phát triển sản phẩm đặc trưng địa phương.

5.2. Phối hợp triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tính ứng dụng cao, trực tiếp giải quyết những vấn đề bức thiết như: phát triển nông nghiệp công nghệ cao, chế biến sâu nông sản, bảo vệ môi trường, chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo...

6. Thực hiện phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

6.1. Thực hiện bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao

- Xác định nhu cầu nhân lực của từng lĩnh vực trọng điểm như khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, công nghệ thông tin,... làm cơ sở để xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo chuyên sâu, chất lượng cao, gắn với nhu cầu thực tiễn.

- Thực hiện cụ thể hóa các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng số, kiến thức chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp,...

6.2. Thực hiện bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức

Xây dựng, tổ chức và phối hợp tổ chức triển khai chương trình tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, lãnh đạo, quản lý, cho cán bộ, công chức cập nhật kiến thức mới, nâng cao năng lực chuyển đổi số trong chỉ đạo, điều hành và thực thi nhiệm vụ.

6.3. Thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành

Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu về nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của địa phương; bảo đảm kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia, tạo nền tảng cho hệ sinh thái dữ liệu mở, thông minh và an toàn.

7. Thực hiện chiến lược chuyển đổi số, kinh tế số

7.1. Thực hiện Chương trình chuyển đổi số và Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng

- Phát triển các nền tảng số dùng chung, các CSDL dữ liệu số dùng chung, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị tại địa phương, đẩy mạnh cải cách hành chính, rà soát, tái cấu trúc, số hóa toàn bộ quy trình nghiệp vụ dựa trên công nghệ số.

- Tổ chức triển khai, khai thác hiệu quả các ứng dụng, bảo đảm kết nối, liên thông với hệ thống thông tin của xã; tránh đầu tư trùng lặp, lãng phí; nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ số trong hoạt động quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công.

- Thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phân tích dữ liệu, tổng hợp thông tin, hỗ trợ công tác dự báo, xây dựng báo cáo và ra quyết định trong các cơ quan Đảng, chính quyền, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả chỉ đạo, điều hành và quản lý nhà nước.

7.2. Triển khai các nền tảng số, phát triển chính quyền số, xã hội số

- Tổ chức triển khai tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu chuyên ngành như dân cư, đất đai, doanh nghiệp, ...trên nền tảng số dùng chung; bảo đảm kết nối với hệ thống Trung ương, tỉnh, tích hợp công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) phục vụ phân tích, dự báo, hỗ trợ ra quyết định. Hạn chế tình trạng trùng lặp, phân tán dữ liệu; nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng thông tin phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và quản lý nhà nước.

- Phối hợp nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; đẩy mạnh xác thực điện tử, chữ ký số.

- Phát triển đồng bộ các hình thức thanh toán số, khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt trong mọi lĩnh vực của đời sống. Thúc đẩy chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực trọng yếu để phát triển kinh tế số, xã hội số, góp phần nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh và chất lượng cuộc sống người dân.

- Đẩy mạnh số hóa hồ sơ, tài liệu, dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước; thực hiện toàn diện các hoạt động xử lý công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trên môi trường số. Phát triển các ứng dụng tiện ích, nền tảng số chất lượng cao phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị trên địa bàn xã, đồng thời đáp ứng tốt nhu cầu giao dịch, tiếp cận thông tin của cán bộ, công chức, người dân và doanh nghiệp.

7.3. Đẩy mạnh phát triển kinh tế số

- Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể tiếp cận, ứng dụng các giải pháp chuyển đổi số phù hợp như: Quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử.

- Khuyến khích doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng số, xây dựng thương hiệu số cho sản phẩm chủ lực; ứng dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc, IoT, blockchain trong sản xuất và chế biến nông sản.

8. Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số

8.1. Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

8.2. Tăng cường an ninh mạng

Phối hợp thực hiện quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân và thông tin quan trọng của tổ chức, cá nhân trên môi trường số.

8.3. Cụ thể hóa các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng

Tăng cường phối hợp, chia sẻ thông tin, thường xuyên theo dõi, đánh giá, nâng cao năng lực bảo vệ hệ thống thông tin.

9. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng

Phối hợp triển khai các dự án chung về hạ tầng số và đổi mới sáng tạo; tổ chức các hội nghị, diễn đàn, hội thảo nhằm kết nối giữa nhà nước, doanh nghiệp; Tăng cường tham gia các sự kiện, hội chợ công nghệ; xây dựng thương hiệu địa phương về đổi mới sáng tạo, khoa học, công nghệ.

10. Giám sát, đánh giá và tuyên truyền

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đã đề ra tại Kế hoạch, các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Thực hiện sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, điều chỉnh kịp thời mục tiêu, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vai trò, ý nghĩa của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống Nhân dân.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân xã

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chức năng xây dựng, ban hành kế hoạch, xây dựng các đề án triển khai cụ thể về: Phát triển hạ tầng số, dữ liệu số; ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo trong các ngành, lĩnh vực; chuyển đổi số cho doanh nghiệp, nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục,... phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phân bổ ngân sách, huy động nguồn lực xã hội, bảo đảm tính khả thi.

- Tham mưu, đề xuất về những giải pháp, cơ chế, chính sách cần sửa đổi hoặc ban hành mới, phục vụ phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng

tạo và chuyển đổi số; thường xuyên báo cáo theo quy định, các khó khăn, vướng mắc; xin ý kiến chỉ đạo kịp thời.

- Chỉ đạo thực hiện chiến lược đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo giai đoạn 10 năm, tầm nhìn 2045, theo chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh.

- Chỉ đạo các phòng chuyên môn triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao; tổ chức kiểm tra, đôn đốc tiến độ, chất lượng thực hiện; xử lý, tháo gỡ vướng mắc, bảo đảm các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

- Thực hiện chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả triển khai, kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả; chủ trì tổ chức sơ kết, tổng kết theo từng giai đoạn; khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu.

2. Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội xã

- Phối hợp tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, doanh nghiệp và nhân dân hưởng ứng các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW và Chương trình hành động.

- Phát động phong trào thi đua sáng tạo, khởi nghiệp; tăng cường giám sát và phản biện xã hội trong quá trình thực hiện.

- Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, Đoàn thanh niên, các hội, phối hợp với các đơn vị tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn kỹ năng số cho tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh... và các đối tượng có liên quan.

3. Trách nhiệm của các chi, đảng bộ trực thuộc

- Xây dựng Kế hoạch cụ thể phù hợp với tình hình cơ quan, đơn vị quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW đến cán bộ, đảng viên, Nhân dân.

- Lãnh đạo, chỉ đạo việc triển khai thực hiện và cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp tại địa bàn.

- Định kỳ báo cáo, phối hợp: báo cáo tiến độ, khó khăn, kiến nghị; kịp thời phản ánh những vấn đề phát sinh.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết: đánh giá kết quả thực hiện tại cơ quan, đơn vị; biểu dương những điển hình tốt; đề xuất giải pháp mới.

- Tạo cơ chế khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, doanh nghiệp... tham gia tích cực vào các phong trào đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

4. Cơ chế thông tin, báo cáo, sơ kết, tổng kết

- Thông tin, báo cáo định kỳ: Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã; các chi, đảng bộ trực thuộc định kỳ hàng

tháng, 3 tháng, 6 tháng, 1 năm báo cáo kết quả thực hiện về báo cáo Thường trực Đảng ủy, đồng thời gửi báo cáo về Ban Chỉ đạo Tỉnh và cập nhật vào hệ thống giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo hướng dẫn của Trung ương, của Tỉnh.

- Kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết: Tổ chức kiểm tra giám sát chuyên đề tại một số chi, đảng bộ. Tiến hành sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm; có thể điều chỉnh một số mục tiêu, nhiệm vụ nếu cần. Tổ chức sơ kết, tổng kết theo giai đoạn; biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu, đồng thời đề xuất phương hướng cho giai đoạn tiếp theo.

8. Kinh phí thực hiện và nguồn lực hỗ trợ

- Kinh phí thực hiện được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp. Đồng thời, huy động tối đa các nguồn lực xã hội hóa từ sự tham gia, đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn tài trợ hợp pháp khác.

- Thực hiện quản lý, sử dụng kinh phí linh hoạt, minh bạch, công khai; bảo đảm hiệu quả, đúng mục đích, đúng quy định. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, phòng ngừa tiêu cực, lãng phí trong quá trình triển khai thực hiện.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (*báo cáo*),
- Thường trực Đảng ủy,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy,
- Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ xã,
- Thường trực HĐND xã,
- Lãnh đạo UBND xã,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Đảng ủy, Trung tâm Chính trị xã,
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH xã,
- Các chi, đảng bộ trực thuộc Đảng ủy,
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã.
- Lưu Văn phòng Đảng ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Dương Quang Bạo

PHỤ LỤC

Danh mục các mục tiêu cụ thể

(Kèm theo Kế hoạch số 23-KH/ĐU, ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy)

TT	Mục tiêu	Đến hết năm 2025	Đến hết năm 2030	Đến hết năm 2035	Đến hết năm 2040	Đến hết năm 2045
I	Phát triển hạ tầng					
1	Tỷ lệ phủ sóng 5G/6G trên địa bàn	Tỷ lệ phủ sóng 5G đạt 62%.	Tỷ lệ phủ sóng 5G đạt 100%	Tỷ lệ phủ sóng 6G đạt 50%	Tỷ lệ phủ sóng 6G đạt 80%	Tỷ lệ phủ sóng 6G đạt 100%
2	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s.	95%	100%	100%	100%	100%
II	Phát triển nguồn lực					
3	Tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo;	Không thấp hơn mức dự toán được giao	Không thấp hơn mức dự toán được giao	Không thấp hơn mức dự toán được giao	Không thấp hơn mức dự toán được giao	Không thấp hơn mức dự toán được giao
4	Tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt	Đạt bằng mức dự toán được giao	Đạt 100% mức dự toán được giao	Đạt 100% mức dự toán được giao	Đạt 100% mức dự toán được giao	Đạt 100% mức dự toán được giao
5	Cán bộ, công chức được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	100%	100%	100%	100%	100%
6	Cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.	100%	100%	100%	100%	100%

TT	Mục tiêu	Đến hết năm 2025	Đến hết năm 2030	Đến hết năm 2035	Đến hết năm 2040	Đến hết năm 2045
7	Dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.	80%	100%	100%	100%	100%
8	Dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số,...).	-	-	-	100%	100%
III	Phát triển khoa học, công nghệ					
9	Ứng dụng, làm chủ AI, IoT, Big Data, chuỗi khối, bán dẫn, nano... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.	Có	Có	Có	Có	Có
IV	Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo					
10	Doanh nghiệp vừa và nhỏ đang hoạt động có hợp tác nghiên cứu, phát triển với các trường.	-	$\geq 8\%$	$\geq 15\%$	$\geq 20\%$	$\geq 30\%$
V	Phát triển chuyển đổi số					
11	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.	70%	100%	100%	100%	100%

TT	Mục tiêu	Đến hết năm 2025	Đến hết năm 2030	Đến hết năm 2035	Đến hết năm 2040	Đến hết năm 2045
12	Thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.	100%	100%	100%	100%	100%
13	Giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”	$\geq 70\%$	100%	100%	100%	100%
14	Hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.	$\geq 80\%$	100%	100%	100%	100%
15	Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.	$\geq 80\%$	100%	100%	100%	100%
16	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.	$\geq 80\%$	100%	100%	100%	100%
17	Doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.	100%	100%	100%	100%	100%
18	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID).	Phần đầu đạt 85%	Phần đầu đạt 95%	Phần đầu đạt 98%	100%	100%
19	Tỷ lệ người dân có chữ ký số	-	$\geq 8\%$	$\geq 10\%$	$\geq 30\%$	$\geq 40\%$
20	Đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống	100%	100%	100%	100%	100%

TT	Mục tiêu	Đến hết năm 2025	Đến hết năm 2030	Đến hết năm 2035	Đến hết năm 2040	Đến hết năm 2045
	nhất					
21	Ứng dụng thương mại điện tử	Đẩy mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh